| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỊNH QUÁN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/11/2018
***"V/v Ly hôn"***

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Bùi Văn Vinh.

2/ Ông Hoàng Văn Đông.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Oai – Thư ký TAND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện VKS nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2018/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXX - ST ngày 01 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/QĐ-HPT ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hỷ Sy M, sinh năm 1994

Địa chỉ: phố 3, ấp 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, Đồng Nai.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà.)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018; Bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hỷ Sy M trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014 tại UBND xã Phú Vinh, huyện Định Quán. Vợ chồng thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ chung sống không chung thủy, không chăm lo cho gia đình. Tôi về nhà cha mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ

thời gian đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 21/11/2015. Chị M nhường quyền nuôi con chung cho anh Đ, chị không cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: đương sự khai không có.

Về nợ chung: không có nợ chung.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2018, ông Nguyễn Văn Sơn – là cha ruột của bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:***

Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị M và anh Đ là có thật. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị M chung sống cùng với gia đình ông. Hai vợ anh Đ và chị M thường xuyên xảy ra cãi vã, ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Đến giữa năm 2015 thì chị M bỏ về gia đình cha mẹ ruột để sinh sống, anh Đ vẫn chung sống cùng gia đình tôi, gia đình hai bên có nói chuyện khuyên bảo để vợ chồng anh Đ, chị M hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không được. Các văn bản của Tòa án đã giao, tôi đã gia ngay cho anh Đ, gia đình cũng nói anh Đ đến Tòa án làm việc nhưng Đ không đồng ý đến Tòa án làm việc do thường xuyên đi làm, và đề nghị Tòa án làm theo quy định, Đ không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định; bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do tòa án thu thập thì mâu thuẫn giữa chi M và anh Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục, tống Đ hợp lệ cho các bên đương sự, các đương sự không thắc mắc khiếu nại gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng Thẩm phán giải quyết vụ án nên các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng đều hợp pháp. Về việc vắng mặt của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là anh Nguyễn Tấn Đ thường trú tại: ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn

cứ khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Định Quán.

Về quan hệ pháp luật: Chị Hỷ Sy M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn"

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của chị M thấy rằng, thực tế cuộc sống chung giữa chị và bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Đ chung sống không chung thủy, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, nên chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn. Theo lời khai của chị M và tài liệu Tòa án thu thập được thì vợ chồng chị và anh Nguyễn Tấn Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn qua lại, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: tình trạng hôn nhân của chị M và anh Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được và yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 21/11/2015. Xét yêu cầu nuôi con của chị M thấy rằng: chị M tự nguyện giao con chung cho anh Đ, và hiện nay anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó việc giao con cho anh Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do điều kiện kinh tế, thu nhập của chị M không ổn định, anh Đ không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến anh Đ nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

[4]. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 227, 235, 266 - Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hỷ Sy M, chị M được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 21/11/2015, cho anh Nguyễn Tấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 005690 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận :***
- *TAND tỉnh Đồng Nai.*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai.*
- *VKSND .HĐQ.*
- *THA. Huyện Định Quán.*
- *Đương sự.*
- *UBND. xã Phú Vinh.*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Hùng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân** **Chủ tọa phiên tòa**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TX. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Long Khánh, ngày 15 tháng 02 năm 2012*

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TX. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** **Ông Nguyễn Văn Thủy**

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

**1/ Ông Nguyễn Văn Lầm**

**2/ Ông Nguyễn Trọng Vịnh**

Căn cứ vào điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào hồi 08 giờ 30 ngày 15 tháng 02 năm 2012, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "ly hôn" giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Kim Phượng, sinh năm 1977. Địa chỉ: 360, tổ 9, ấp Bảo Vinh B, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** Anh Lâm Cẩm Say, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp 1, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự có mặt tại phiên toà.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, các ý khiến của đương sự; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

**+ *Ý kiến ông Lầm***: Quá trình chung cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, lối sống không phù hợp, mâu thuẫn kéo dài, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên rất khó hàn gắn tình cảm, cả nguyên đơn và bị đơn cùng yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên, do không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên tôi đề nghị tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo luật định.

**- Về con chung:** Các bên thỏa thuận, giao cho chị Dương Kim Phượng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hữu Trọng, sinh ngày 01/01/1999; Sự thỏa thuận này là phù hợp nên tôi đề nghị chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không xét.

**- Về tài sản chung:** Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết;

**- Nợ chung**: Nguyên đơn và bị đơn tự khai không có.

**+ *Ý kiến ông Vịnh:*** Tôi thống nhất với ý kiến ông Lầm.

+ Ý kiến thẩm phán: Thống nhất với hai ý kiến trên như sau:

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 =100% biểu quyết như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27; các Điều 179; 195; 210; 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 17; Điều 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình"; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Tuyên bố không công nhận chị Dương Kim Phượng và anh anh Lâm Cẩm Say là vợ chồng.

- ***Về con chung*:** Giao cháu Huỳnh Hữu Trọng, sinh ngày 01/01/1999 cho chị Dương Kim Phượng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Say được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về án phí:*** Chị Phượng phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 03704 ngày 13/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân** **Chủ tọa phiên tòa**

**MẪU BẢN ÁN SƠ THẨM**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TX LONG KHÁNH** TỈNH ĐỒNG NAI
---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc
---

B¶n sè: [2].....
Ngµy: [3].....
V/v tranh chÊp [4].....

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:** [6]
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông----------
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông----------
2.----------
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông (Bà).....
cán bộ Tòa án [7].....
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân [8] ..... tham gia phiên tòa:
Ông (Bà).....Kiểm sát viên.
Trong các ngày... tháng..... năm.....[9] tại.....xét xử sơ thẩm công khai [10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST.....[11]ngày---------tháng---------năm---------- về tranh chấp.....[12]theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....tháng .....năm.....giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: [13]
.....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: [14]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: [15]
.....
2. Bị đơn: [16]
.....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: [17]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: [18]
.....
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[19]
.....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21]
.....
Người phiên dịch:[22]

.....Người giám định: [22]
.....

NHẬN THẤY:[24]

.....
.....

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơn vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tài, Hội đồng xét xử nhận đinh: [25]

.....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:[26]

.....
.....
.....
..... .....[27]

*Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án sơ thẩm:.*

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thẫn quy định tại Điều 238 của Bó luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dân này được sở dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự. hôn nhân và gia đình, kinh doanh. thương mại, lao động. Tuy nhiên. cần lưu ý là việc ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án sơ thẩm phải thực hiện theo đúng hướng dẫn tại mục 2 Phần 1 Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể đ việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(l) Nếu là Toà án nhân dân huyện. quận, thị xã. thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toì án nhân dãn huyện. quận. thị xã. thành phố thuộc tính. thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án à dân tỉnh Hà Tây).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án. ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ- HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2005 có số 108 thì ghi: Số. l08/2005/HNGĐ-ST).

(3) Ghi ngày. tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi đúng theo việc ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (l).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người. thì chỉ đủ họ và tên của Thẩm phán Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng 'Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghì họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên loà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1) .
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn lại điểm (l) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ 'Trong các" (ví dụ: Ngây 15 tháng 3 năm 2005 tại...).
Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liền nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 7 đến 1 1 tháng 3 năm ....); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngây... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-2 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xở liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04. 05 tháng 4 năm...).
(10) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ "công khai" bằng chữ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghì "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2005/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.
Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì đã ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì còn ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ l: ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Tháng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.
Ghi họ tên. địa chỉ cư trú (nếu là luật sư thì ghi là luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15) .
(22) và (23) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu khống có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Trong phần này ghì quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).
Ví dụ l: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., nếu có). nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).

Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án *là...* (nếu có) có yêu cầu độc lập. đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày tháng... năm.... nếu có) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con. chia tài sản chung...).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thành bị đơn là... có yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên loà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị lcác yêu cầu, đề nghị cụ thể).
(25) Trong phần này ghi nhận định của Toà án. phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lòng yêu cầu. đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dương sự. ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Cần viện dẫn điểm. khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để chấp nhãn hoặc không chấp nhận.
(26) Trong phần này ghi áp dụng điểm. khoản. điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để ra quyết định. Ghi các quyết định của Toà án về tổng vấn đề phải giải quyết trong vụ án. về án phí và quyền kháng cáo đôi với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.
(27) Phần cuối cùng của bản án. nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đấy đủ chữ ký. họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự. cơ quan. tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì còn ghi như sau:

| | |
|---|---|
| **Nơi nhận:**<br>*(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản chính).* | **TM hội đồng xét xử sơ thẩm**<br>**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**<br>*(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)*<br><br>(Họ và tên) |

Mẫu giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh**
Tỉnh Đồng Nai
---
Số:[2].....//.....//TA -GCN

**cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---
*Long khánh,ngày.....tháng.....năm.....*

# GIẤY CHỨNG NHẬN NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

**Tòa án nhân dân dân thị xã long Khánh**
**tỉnh Đồng nai**

Căn cứ vào Điều 41 và Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào hồ sơ vụ án.....[3]thụ lý số:...../...../TLST.....[4] ngày..... tháng..... năm.....
Sau khi xem xét các giấy tờ, tài liệu về điều kiện để được cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

## CHỨNG NHẬN

1.Ông (Bà) [5] .....

Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của:[6].....

Trong vụ án [7].....

2. Ông (Bà)..... thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TAND thị xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai**
Thẩm phán

Mẫu giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

---

**Hướng dẫn sử dụng mẫu giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự**

(1) Ghi tên Tòa án: Nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì ghi tỉnh, thành phó trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận 1, thành phố H); nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm cấp Giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (ví dụ: Số: 10/2005/TA-GCN).

(3) Ghi đúng theo cách ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ví dụ: Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp về hợp đồng thuê nhà ở.

(4) Ghi đúng theo cách ghi ký hiệu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nếu là Tòa án cấp phúc thẩm thì thay ký hiệu "TLST" bằng ký hiệu "TLPT". Ví dụ: số: 215/2005/TLST-LĐ hoặc số: 217/2005/TLPT-KDTM.

(5) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú hoặc nơi làm việc; nếu là Luật sư thì ghi Luật sư của Văn phòng Luật sư nào thuộc Đoàn luật sư nào.

(6) Ghi địa vị pháp lý của đương sự trong vụ án và họ tên. Ví dụ: nguyên đơn là ông (bà)...

(7) Ghi như hướng dẫn tại điểm (3).